

Số: /2025/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định xây dựng, quản lý và sử dụng chung
hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP của Chính phủ Về quản lý và sử dụng
chung công trình hạ tầng kỹ thuật;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một
số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số
110/TTr-SKHCN ngày 19/10/2025,*

*Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định xây dựng, quản lý và
sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định xây dựng, quản lý và
sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm
2025 và bãi bỏ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 10/4/2019 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định xây dựng, quản lý và sử dụng
chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; Ủy ban nhân
dân các xã, phường, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành
Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản & QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Vụ Pháp luật - Văn phòng Chính phủ;
- TT.TU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- VPTU và các cơ quan thuộc Tỉnh ủy;
- UB MTTQ tỉnh;
- VP ĐDBQH và HĐND tỉnh; các Ban của HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, KGVX;
- + TTTT: 01 bản giấy, 01 bản điện tử (đăng Công báo);
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Sơn

QUY ĐỊNH
Xây dựng, quản lý và sử dụng chung
hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; tổ chức thực hiện và phân công trách nhiệm trong quản lý, sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, xây dựng, sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; sử dụng chung các công trình hạ tầng kỹ thuật; ngầm hóa, chỉnh trang mạng ngoại vi trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nhà trạm là công trình xây dựng để lắp đặt, bảo vệ thiết bị viễn thông và các thiết bị phụ trợ khác.

2. Cống, bể, tuynen kỹ thuật là hệ thống cống, ống, bể kỹ thuật được xây dựng để lắp đặt, quản lý, bảo vệ đường dây, cáp viễn thông ngầm dưới mặt đất.

3. Cột treo cáp là cột bằng thép, bê tông cốt thép hoặc vật liệu khác dùng để treo cáp viễn thông, cáp truyền hình và các tuyến cáp thông tin khác.

4. Cột BTS là cột dùng để treo ăng ten thu, phát sóng thông tin di động, có thể được lắp đặt độc lập hoặc kết hợp trên công trình khác.

5. Ngầm hóa hạ tầng viễn thông là hoạt động bố trí, lắp đặt đường dây, cáp viễn thông trong công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm chuyên dùng hoặc công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm dùng chung, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động và quy định của pháp luật về xây dựng.

6. Doanh nghiệp có hạ tầng mạng viễn thông là doanh nghiệp được cấp phép thiết lập mạng viễn thông theo quy định của pháp luật, có quyền đầu tư, sở hữu, quản lý, khai thác và sử dụng hạ tầng mạng viễn thông, bao gồm cả hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động thuộc phạm vi mạng viễn thông của mình.

7. Chủ sở hữu hạ tầng kỹ thuật là cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, doanh

nghiệp không hoạt động trong lĩnh vực viễn thông, nhưng đầu tư, sở hữu hoặc được giao quản lý, khai thác, vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật khác (như điện lực, chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông, khu công nghiệp, khu đô thị, tòa nhà, công trình công cộng...) có lắp đặt hoặc có khả năng lắp đặt hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động để phục vụ hoạt động viễn thông hoặc dùng chung hạ tầng kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

8. Dùng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động là việc hai hoặc nhiều doanh nghiệp, tổ chức cùng khai thác, sử dụng một công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên cơ sở hợp đồng hoặc thỏa thuận, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật.

9. Mạng cáp viễn thông ngoại vi là phần mạng cáp từ tủ, điểm phân phối ra ngoài nhà, dọc tuyến đường, khu dân cư, khu công nghiệp đến các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông.

Điều 3. Nguyên tắc xây dựng, quản lý và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

1. Việc xây dựng, quản lý và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phải phù hợp với quy hoạch tỉnh, các quy hoạch ngành, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật; đồng thời tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng, viễn thông và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Hoạt động xây dựng, quản lý và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- a) Bảo đảm đồng bộ, thống nhất, tiết kiệm và hiệu quả sử dụng nguồn lực xã hội;
- b) Khuyến khích dùng chung hạ tầng kỹ thuật, hạn chế đầu tư chồng chéo, tiết kiệm đất đai, bảo vệ môi trường, bảo đảm mỹ quan đô thị;
- c) Gắn kết phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông với quy hoạch đô thị, khu công nghiệp, khu chức năng, công trình hạ tầng kỹ thuật khác và định hướng phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

3. Trong công tác quản lý nhà nước về hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải bảo đảm:

- a) Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, phân công;
- b) Thống nhất, đồng bộ, công khai, minh bạch và bình đẳng trong công tác quản lý và sử dụng chung hạ tầng;
- c) Tăng cường phối hợp, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong xây dựng, quản lý, sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.
- d) Bảo đảm nguyên tắc quản lý nhà nước theo phân cấp, phân quyền; không chồng chéo, trùng lặp.

Chương II

XÂY DỰNG, QUẢN LÝ HẠ TẦNG KỸ THUẬT

VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG

Điều 4. Trách nhiệm trong công tác lập kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

1. Việc lập kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh phải phù hợp với quy hoạch tỉnh, các quy hoạch ngành và kế hoạch phát triển có liên quan theo quy định pháp luật; bảo đảm đồng bộ với hạ tầng xây dựng, điện lực, cấp thoát nước và các hạ tầng khác.

2. Doanh nghiệp có hạ tầng mạng viễn thông có trách nhiệm chủ động đề xuất, lập kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động 05 năm, phân kỳ theo từng năm, bảo đảm thống nhất với kế hoạch phát triển ngành và phù hợp nhu cầu sử dụng.

3. Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động hằng năm của doanh nghiệp phải được rà soát, cập nhật và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ chậm nhất ngày 30 tháng 11 của năm liền kề trước năm kế hoạch để tổng hợp, báo cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 78 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

4. Trường hợp quá 12 tháng kể từ ngày kế hoạch năm được phê duyệt mà doanh nghiệp không triển khai và không có lý do chính đáng, thì kế hoạch, vị trí hoặc phương án đã phê duyệt nhưng chưa triển khai sẽ bị xem xét thu hồi vị trí, phương án; phân bổ cho doanh nghiệp khác có nhu cầu và năng lực; hoặc tạm dừng xem xét đề xuất vị trí mới. Trường hợp bất khả kháng (giải phóng mặt bằng, thiên tai, dịch bệnh hoặc trường hợp bất khả kháng khác) được xem xét gia hạn tối đa 06 tháng.

Điều 5. Yêu cầu kỹ thuật khi đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

1. Doanh nghiệp viễn thông khi đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phải tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng và viễn thông theo quy định pháp luật; bảo đảm an toàn công trình, an toàn thông tin, an ninh thông tin, an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường và mỹ quan đô thị.

2. Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phải bảo đảm khả năng dùng chung cho từ hai doanh nghiệp trở lên và giữa các ngành để nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, tiết kiệm chi phí đầu tư. Đơn vị quản lý, vận hành công trình phải tạo điều kiện cho doanh nghiệp viễn thông lắp đặt, khai thác, cải tạo, mở rộng.

3. Trong thiết kế và xây dựng công trình, bố trí không gian kỹ thuật dự phòng để phục vụ việc mở rộng dung lượng, khả năng dùng chung trong tương lai, đáp ứng nhu cầu phát triển hạ tầng theo quy định pháp luật và định hướng quản lý của cơ quan có thẩm quyền.

4. Công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phải tuân thủ đầy đủ quy

định về nhận diện, cảnh báo, ghi thông tin quản lý và an toàn kỹ thuật theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

Điều 6. Cấp phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

1. Việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phải được cấp phép theo quy định của pháp luật về xây dựng, viễn thông và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Thẩm quyền thẩm định, cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng đối với công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động thực hiện theo quy định và phân cấp quản lý của pháp luật về xây dựng và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 7. Cung cấp, công bố, cập nhật và chia sẻ thông tin, dữ liệu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

1. Doanh nghiệp có hạ tầng viễn thông và chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động có trách nhiệm công bố công khai, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan đến công trình có khả năng cho thuê hoặc sử dụng chung, bao gồm: vị trí, dung lượng, điều kiện kỹ thuật, giá thuê và các thông tin cần thiết khác phục vụ cho hoạt động kết nối, dùng chung hạ tầng.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện bằng hình thức điện tử và trực tiếp, cụ thể:

a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của đơn vị hoặc cổng thông tin dùng chung (nếu có);

b) Niêm yết công khai tại trụ sở làm việc, nơi tiếp nhận yêu cầu thuê, sử dụng chung;

c) Gửi thông tin công bố đến Sở Khoa học và Công nghệ để cập nhật cơ sở dữ liệu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo quy định.

3. Trường hợp có thay đổi về khả năng cho thuê, khả năng dùng chung hoặc thông tin kỹ thuật, chủ sở hữu công trình phải cập nhật, điều chỉnh thông tin công bố trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi thay đổi và thông báo bằng văn bản cho Sở Khoa học và Công nghệ để kịp thời cập nhật cơ sở dữ liệu.

4. Khi có nhu cầu sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, tổ chức, cá nhân hoặc doanh nghiệp viễn thông gửi văn bản đề nghị đến doanh nghiệp có hạ tầng mạng viễn thông, chủ sở hữu hạ tầng kỹ thuật và đồng gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, theo dõi, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác hoặc trường hợp bất khả kháng.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị hợp lệ, doanh nghiệp có hạ tầng mạng viễn thông, chủ sở hữu hạ tầng kỹ thuật phải phản hồi bằng văn bản về khả năng đáp ứng, lý do chấp thuận hoặc từ chối, đồng gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, theo dõi, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác hoặc trường hợp bất khả kháng.

5. Việc công bố, cập nhật và chia sẻ dữ liệu quy định tại Điều này phải bảo

đảm thống nhất về nội dung, cấu trúc và biểu mẫu dữ liệu với cơ sở dữ liệu quản lý hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động do Sở Khoa học và Công nghệ quản lý.

Điều 8. Yêu cầu và trách nhiệm trong quá trình triển khai xây dựng mới hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

Khi triển khai thi công công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đã được phê duyệt, doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu sau:

1. Doanh nghiệp viễn thông khi triển khai xây dựng mới công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phải thực hiện thông báo khởi công xây dựng theo quy định tại khoản 9 Điều 65 Luật Viễn thông năm 2023, đồng thời thực hiện đầy đủ thủ tục cấp phép xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình triển khai, doanh nghiệp có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã để bảo đảm tổ chức thi công an toàn, đúng tiến độ, đồng bộ với các hạ tầng kỹ thuật khác và hoàn trả hiện trạng công trình, mặt bằng theo quy định của pháp luật.

3. Việc triển khai dự án xây dựng mới thực hiện theo kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động hằng năm đã được phê duyệt. Trường hợp không triển khai theo kế hoạch hoặc chậm tiến độ mà không có lý do chính đáng, việc xử lý thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 4 của Quy định này.

4. Doanh nghiệp viễn thông phải bảo đảm công trình trạm BTS, nhà trạm, cột ăng ten đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, an toàn và có hệ thống chống sét theo quy chuẩn. Tại mỗi xã, phường bố trí tối thiểu một trạm BTS kiên cố, chịu được thiên tai cấp độ 4, có kết cấu bền vững và nguồn điện dự phòng (máy phát, lưu điện hoặc tương đương) để duy trì thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành khi xảy ra thiên tai, mất điện hoặc sự cố khẩn cấp.

Điều 9. Yêu cầu riêng đối với công trình trong nhà ở, tòa nhà hỗn hợp, khu đô thị, khu chức năng, cụm công nghiệp

1. Ngoài các yêu cầu chung quy định tại Điều 5 của Quy định này, chủ đầu tư công trình nhà ở, tòa nhà hỗn hợp, khu đô thị, khu chức năng, cụm công nghiệp phải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu riêng về bố trí, kết nối và khả năng sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Yêu cầu cụ thể:

a) Bố trí hệ thống mạng cáp trong tòa nhà bảo đảm khả năng kết nối mạng viễn thông có định băng rộng, ổn định và an toàn, tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành;

b) Bố trí mặt bằng, vị trí lắp đặt cột ăng ten, trạm BTS, nhà trạm hoặc tủ thiết bị phục vụ lắp đặt thiết bị viễn thông, bảo đảm thuận tiện kết nối, an toàn và không ảnh hưởng đến kết cấu công trình;

c) Bảo đảm khả năng dùng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động cho

tối thiểu hai (02) doanh nghiệp viễn thông tham gia cung cấp dịch vụ, tạo điều kiện kết nối, sử dụng chung theo quy định của pháp luật;

d) Cung cấp thông tin, hồ sơ kỹ thuật và sơ đồ bố trí hệ thống cáp, vị trí hạ tầng kỹ thuật viễn thông trong công trình cho doanh nghiệp viễn thông có nhu cầu sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng và viễn thông.

Điều 10. Bảo vệ và xử lý sự cố công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

Để bảo đảm công tác quản lý hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động an toàn, ổn định và hiệu quả, doanh nghiệp viễn thông và chủ sở hữu hạ tầng kỹ thuật có trách nhiệm thực hiện bảo vệ công trình, kịp thời khắc phục, xử lý sự cố nhằm bảo đảm duy trì thông tin liên lạc, an toàn công trình, mỹ quan đô thị.

1. Xử lý sự cố trạm BTS

a) Khi xảy ra sự cố đối với thiết bị lắp đặt tại trạm, doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm khắc phục, bảo đảm khôi phục liên lạc trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ thời điểm xảy ra sự cố.

b) Trường hợp cột trạm BTS bị gãy, đổ, doanh nghiệp viễn thông phải:

- Thông báo ngay sự cố cho các cơ quan có liên quan để phối hợp xử lý theo quy định;

- Giải phóng mặt bằng, triển khai phương án dự phòng để khôi phục liên lạc trong thời hạn 06 (sáu) giờ kể từ thời điểm xảy ra sự cố, hạn chế ảnh hưởng đến giao thông, an toàn công trình và quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan;

- Khôi phục hoặc lắp đặt mới trạm BTS tại khu vực sự cố (nếu cần thiết), bảo đảm duy trì thông tin liên lạc, an toàn mạng lưới và mỹ quan đô thị.

2. Xử lý sự cố hệ thống truyền dẫn

a) Khi xảy ra sự cố đối với cáp viễn thông hoặc thiết bị truyền dẫn, doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm khắc phục, bảo đảm khôi phục liên lạc trong thời hạn 12 (mười hai) giờ kể từ thời điểm phát hiện hoặc nhận được thông báo.

b) Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống cột treo cáp, đơn vị sở hữu cột phải thay thế bằng cột mới hoặc gia cường tạm thời trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ thời điểm xảy ra sự cố. Trường hợp bất khả kháng hoặc pháp luật chuyên ngành có quy định khác, thời hạn khắc phục được điều chỉnh tương ứng nhưng phải bảo đảm khôi phục thông tin liên lạc trong thời gian sớm nhất.

Trường hợp khắc phục bằng phương án ngầm hóa, trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày xảy ra sự cố, doanh nghiệp viễn thông phải lập phương án hạ ngầm và gửi Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

3. Xử lý sự cố ảnh hưởng đến nhiệm vụ trọng yếu

Khi xảy ra sự cố gây gián đoạn thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, quốc phòng, an ninh, doanh nghiệp viễn thông phải ưu tiên khôi phục

liên lạc theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền và thực hiện các biện pháp kỹ thuật cần thiết để bảo đảm thông tin liên lạc được duy trì thông suốt.

4. Bảo vệ và xử lý sự cố trong quá trình thi công

a) Trước khi tiến hành sửa chữa, nâng cấp hoặc chỉnh trang công trình có khả năng ảnh hưởng đến hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, đơn vị chủ trì thi công phải thông báo tối thiểu 05 (năm) ngày làm việc cho doanh nghiệp viễn thông có liên quan để chủ động triển khai phương án bảo vệ mạng lưới và bố trí cán bộ trực ứng cứu.

b) Khi xảy ra sự cố trong quá trình thi công, các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân, thống nhất phương án và chi phí khắc phục, bảo đảm tiến độ khắc phục theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

5. Khắc phục sự cố do thiên tai

Trường hợp sự cố hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động xảy ra do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh hoặc nguyên nhân bất khả kháng khác, đơn vị sở hữu công trình có trách nhiệm tổ chức khắc phục hậu quả, chỉnh trang, sắp xếp lại mạng lưới, bảo đảm an toàn công trình, mỹ quan đô thị và an ninh thông tin.

Chương III

SỬ DỤNG CHUNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG VÀ NGÂM HÓA, CHỈNH TRANG MẠNG CÁP VIỄN THÔNG NGOẠI VI

Mục 1

NGUYÊN TẮC VÀ GIÁ THUÊ

Điều 11. Nguyên tắc sử dụng chung

1. Việc sử dụng chung phải được thực hiện trên cơ sở các nguyên tắc sau:

a) Công khai, minh bạch, bình đẳng, không phân biệt đối xử, hiệu quả kinh tế – kỹ thuật;

b) Đồng bộ với các loại hạ tầng kỹ thuật khác, phù hợp quy hoạch, kế hoạch phát triển hạ tầng của tỉnh;

c) Bảo đảm an toàn công trình, an toàn thông tin, quốc phòng, an ninh, cảnh quan và môi trường;

d) Hạn chế tối đa đào xới, chồng lấn không gian kỹ thuật;

đ) Khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hợp tác, liên kết, chia sẻ hạ tầng kỹ thuật nhằm tiết kiệm nguồn lực, nâng cao hiệu quả khai thác.

2. Việc ngâm hóa, chỉnh trang mạng cáp viễn thông ngoại vi là một nội dung trong công tác quản lý, sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; phải bảo đảm triển khai đồng bộ với các công trình hạ tầng kỹ thuật khác (giao thông, điện lực, cấp thoát nước, năng lượng, chiếu sáng công cộng) theo kế hoạch được phê duyệt.

3. Việc sử dụng chung chỉ được thực hiện khi công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, còn khả năng khai thác và bảo đảm an toàn cho công trình, người và thiết bị.

4. Việc sử dụng chung được thực hiện thông qua hợp đồng bằng văn bản giữa các bên, quy định rõ phạm vi, thời hạn, điều kiện kỹ thuật, giá thuê và nghĩa vụ của các bên.

Điều 12. Nghĩa vụ của doanh nghiệp và giá thuê sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

1. Giá thuê sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động được xác định theo cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp định giá thuê do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định, bảo đảm phù hợp quy định pháp luật, công khai, minh bạch và bình đẳng giữa các doanh nghiệp.

2. Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động do ngân sách nhà nước đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá thuê cụ thể để phục vụ sử dụng chung, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật và nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Doanh nghiệp có hạ tầng mạng viễn thông và chủ sở hữu hạ tầng kỹ thuật có nghĩa vụ tạo điều kiện cho doanh nghiệp khác sử dụng chung hoặc thuê hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động khi phù hợp quy hoạch hoặc kế hoạch, khả năng kỹ thuật; bảo đảm không phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp.

4. Doanh nghiệp có hạ tầng mạng viễn thông và chủ sở hữu hạ tầng kỹ thuật có trách nhiệm công khai giá, điều kiện kỹ thuật, dung lượng còn trống, thời gian thuê hạ tầng; bảo đảm minh bạch thông tin, tạo điều kiện cho việc tiếp cận, sử dụng chung hạ tầng được thuận lợi và hiệu quả.

5. Tranh chấp liên quan đến giá thuê, điều kiện sử dụng chung được giải quyết theo Điều 16 của Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan.

Mục 2

SỬ DỤNG CHUNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG

Điều 13. Sử dụng chung hệ thống nhà trạm, cống, bể cáp, hào, tuynen kỹ thuật.

1. Doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm ưu tiên sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm hiện có (nhà trạm, cống, bể cáp, hào, tuynen kỹ thuật) để lắp đặt tuyến cáp viễn thông, bảo đảm tiết kiệm đất đai, tránh đầu tư trùng lặp, hạn chế đào xới gây ảnh hưởng đến các công trình hạ tầng kỹ thuật khác và bảo đảm mỹ quan đô thị.

2. Khi hệ thống nhà trạm, cống, bể cáp, hào, tuynen kỹ thuật dùng chung còn khả năng khai thác hoặc có thể mở rộng, doanh nghiệp không được đầu tư xây dựng mới tuyến ngầm hoặc công trình riêng, trừ trường hợp bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, giải phóng mặt bằng, tình huống khẩn cấp khác) theo quy định của pháp luật.

3. Doanh nghiệp có hạ tầng viễn thông và chủ sở hữu hạ tầng kỹ thuật có công trình ngầm dùng chung có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi, công bằng cho các doanh nghiệp viễn thông khác có nhu cầu sử dụng chung; bảo đảm an toàn công trình, an toàn thông tin, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và duy trì mỹ quan đô thị.

4. Hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng, cải tạo hoặc lắp đặt tuyến cáp ngầm phải kèm phương án sử dụng chung hạ tầng, thể hiện rõ khả năng kết nối, dung lượng dự phòng, giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn công trình và phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

5. Việc sử dụng chung hệ thống nhà trạm, công, bể cáp, hào, tuynen kỹ thuật phải được thực hiện đồng bộ với quy hoạch, kế hoạch ngầm hóa và chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật đô thị, bảo đảm thống nhất với các công trình hạ tầng kỹ thuật khác (giao thông, điện lực, cấp thoát nước, năng lượng, công trình công cộng).

6. Khi đầu tư xây dựng mới, cải tạo hoặc mở rộng các tuyến đường, khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, chủ đầu tư công trình có trách nhiệm bố trí hệ thống công trình ngầm kỹ thuật (cống, bể cáp, hào, tuynen kỹ thuật) và khu vực bố trí nhà trạm, tủ thiết bị, nhà kỹ thuật phục vụ lắp đặt thiết bị viễn thông, bảo đảm khả năng sử dụng chung cho tối thiểu hai doanh nghiệp viễn thông, đồng bộ với các hạ tầng kỹ thuật khác và phù hợp quy hoạch được phê duyệt.

Điều 14. Sử dụng chung hạ tầng cột treo cáp viễn thông

1. Doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm ưu tiên sử dụng cột treo cáp hiện có của các doanh nghiệp viễn thông khác hoặc của ngành điện lực, chiếu sáng, hạ tầng kỹ thuật đô thị để treo, kéo cáp viễn thông; hạn chế tối đa việc đầu tư dựng mới cột riêng lẻ gây mất mỹ quan, lãng phí và mất an toàn công trình.

2. Khi hệ thống cột treo cáp hiện có còn khả năng chịu tải hoặc có thể nâng cấp, mở rộng, doanh nghiệp không được dựng cột mới hoặc kéo cáp song song trên cùng tuyến, trừ trường hợp bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, giải phóng mặt bằng hoặc các tình huống khẩn cấp khác) theo quy định pháp luật.

3. Doanh nghiệp có hạ tầng viễn thông và chủ sở hữu hạ tầng kỹ thuật có hệ thống cột treo cáp có trách nhiệm:

a) Tạo điều kiện công bằng, minh bạch cho các doanh nghiệp viễn thông khác có nhu cầu sử dụng chung;

b) Công bố, niêm yết thông tin về khả năng sử dụng chung (sức chịu tải, vị trí, chiều cao, tình trạng kỹ thuật) khi có yêu cầu;

c) Bảo đảm an toàn điện, an toàn công trình, mỹ quan đô thị, an toàn giao thông và phòng chống cháy nổ trong quá trình khai thác, vận hành.

4. Hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng, cải tạo hoặc lắp đặt tuyến cáp treo viễn thông phải kèm phương án sử dụng chung cột treo cáp, trong đó thể hiện: vị trí, khả năng chịu tải, biện pháp treo cáp an toàn, khoảng cách kỹ thuật và giải pháp đảm bảo mỹ quan.

5. Việc sử dụng chung hệ thống cột treo cáp viễn thông phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về treo, kéo cáp viễn thông; được thực hiện đồng bộ với công tác chỉnh trang, bố gọn mạng cáp ngoại vi theo kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

6. Khi đầu tư, cải tạo hoặc nâng cấp tuyến cột treo cáp điện lực, chiếu sáng công cộng, hạ tầng kỹ thuật đô thị, chủ đầu tư có trách nhiệm bố trí, dự trù khả năng sử dụng chung cho hạ tầng cáp viễn thông, bảo đảm đồng bộ, an toàn và mỹ quan.

Điều 15. Sử dụng chung cột ăng ten, trạm BTS, nhà trạm và nghĩa vụ của doanh nghiệp viễn thông

1. Doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm ưu tiên phương án dùng chung khi đầu tư xây dựng mới cột ăng ten, trạm BTS, nhà trạm; bảo đảm hiệu quả kinh tế – kỹ thuật và phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông của tỉnh.

2. Công trình cột ăng ten, trạm BTS, nhà trạm khi xây dựng mới phải bảo đảm khả năng dùng chung tối thiểu cho 02 doanh nghiệp viễn thông trở lên, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, an toàn công trình, an toàn thông tin, mỹ quan đô thị và môi trường.

3. Hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng cột ăng ten, trạm BTS, nhà trạm phải kèm theo phương án dùng chung hạ tầng theo quy định.

4. Doanh nghiệp có hạ tầng mạng viễn thông có nghĩa vụ:

a) Tạo điều kiện để doanh nghiệp khác tiếp cận, sử dụng chung theo đúng quy định; thời hạn phản hồi thực hiện theo khoản 4 Điều 7 của Quy định này, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác hoặc bất khả kháng. Trong trường hợp từ chối dùng chung phải có lý do chính đáng (kỹ thuật, tải trọng, hoặc vì lý do khách quan khác).

b) Bảo đảm chất lượng công trình, an toàn vận hành và chất lượng dịch vụ; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ báo cáo; không được gây cản trở, từ chối trái quy định.

c) Trường hợp có thể nâng cấp để dùng chung, phải đề xuất phương án nâng cấp (phạm vi, thời hạn, chi phí) để các bên thỏa thuận thực hiện theo quy định.

5. Khoảng cách bố trí trạm BTS, cột ăng ten, nhà trạm:

a) Khác mạng: tối thiểu 120 m trong khu vực đô thị, 250 m ngoài khu vực đô thị; Riêng cột ăng ten nhỏ (chiều cao không quá 03 m) không quy định khoảng cách.

b) Cùng mạng: tối thiểu 300 m trong khu vực đô thị, 450 m ngoài khu vực đô thị.

Trường hợp không đáp ứng khoảng cách quy định, doanh nghiệp phải thực hiện dùng chung hạ tầng hoặc điều chỉnh phương án, vị trí lắp đặt cho phù hợp.

6. Nguyên tắc bố trí và sử dụng chung theo khu vực:

a) Khu vực đô thị:

- Trạm BTS, cột ăng ten được lắp đặt trên nóc nhà, mái công trình hiện có hoặc tại khu đất công cộng, khu vực khuôn viên công cộng phù hợp với quy hoạch;
- Cột ăng ten nhỏ (chiều cao không quá 03 m) được khuyến khích dùng chung vị trí lắp đặt (cùng mái nhà, công trình); trường hợp không dùng chung vị trí, doanh nghiệp phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu theo quy định tại khoản 5 Điều này.

b) Khu vực ngoài đô thị:

- Trạm BTS, cột ăng ten, nhà trạm được lắp đặt theo nhu cầu phủ sóng, điều kiện thực tế và tuân thủ các quy định dùng chung theo khoản 2, khoản 5 Điều này.

7. Yêu cầu đối với doanh nghiệp viễn thông

a) Khi lập kế hoạch hằng năm, doanh nghiệp viễn thông phải gửi đề nghị dùng chung tới doanh nghiệp có hạ tầng mạng viễn thông, chủ sở hữu hạ tầng kỹ thuật và kèm theo phản hồi; phân loại vị trí dùng chung và đề xuất độc lập; trong hồ sơ cần thể hiện rõ vị trí, hình thức (dùng chung, độc lập), thông số kỹ thuật chính, tiến độ, trách nhiệm phối hợp giữa các bên liên quan.

b) Hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng, cải tạo cột, trạm BTS, nhà trạm phải được đối chiếu với kế hoạch sử dụng chung hạ tầng viễn thông đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tính thống nhất, tránh trùng lắp.

Trường hợp có điều chỉnh vị trí hoặc nội dung khác với kế hoạch đã phê duyệt, doanh nghiệp phải thực hiện điều chỉnh kế hoạch trước khi đề nghị cấp phép xây dựng.

c) Trường hợp kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông thụ động hằng năm chưa được ban hành, việc xem xét trên cơ sở nhu cầu phủ sóng thực tế, kết quả đề nghị dùng chung hạ tầng, và phù hợp với các quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này.

d) Khuyến khích doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật với các cột ăng ten khác (bao gồm cột ăng ten phát thanh, truyền hình, cột ăng ten taxi và các cột ăng ten khác) sau khi các cột ăng ten này đã được Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt trước khi đưa vào sử dụng chung; bảo đảm phù hợp với kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông thụ động của tỉnh và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 16. Giải quyết tranh chấp về sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

1. Tranh chấp về việc sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động được ưu tiên giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trực tiếp giữa các bên trên cơ sở tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan.

2. Trường hợp thương lượng, hòa giải không thành, các bên thực hiện hiệp thương về giá, điều kiện kỹ thuật, thời hạn, phạm vi sử dụng chung theo quy định pháp luật về giá và pháp luật viễn thông.

3. Nếu vẫn không đạt được thỏa thuận, các bên có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật, hoặc khởi kiện, lựa chọn trọng tài thương mại, tòa án, hoặc tổ chức tư vấn độc lập để giải quyết tranh chấp.

Mục 3 **NGẦM HÓA, CHỈNH TRANG MẠNG** **CÁP VIỄN THÔNG NGOẠI VI**

Điều 17. Ngầm hóa mạng cáp viễn thông

1. Ngầm hóa mạng cáp viễn thông ngoại vi phải bảo đảm đồng bộ với các công trình hạ tầng kỹ thuật khác như giao thông, điện lực, cấp thoát nước, năng lượng, chiếu sáng công cộng và công trình ngầm đô thị; bảo đảm an toàn kỹ thuật, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường, mỹ quan đô thị, quốc phòng – an ninh.

Ưu tiên thực hiện tại các khu vực trung tâm đô thị, trục đường chính, khu dân cư tập trung, khu công nghiệp, khu đô thị mới, khu vực chỉnh trang đô thị hoặc khu vực có quy hoạch ngầm hóa được phê duyệt.

Việc ngầm hóa phải bảo đảm nguyên tắc sử dụng chung tối đa công trình hạ tầng kỹ thuật giữa các ngành, phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy hoạch, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động được phê duyệt

2. Việc ngầm hóa mạng cáp viễn thông được thực hiện theo kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động và kế hoạch ngầm hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc tại khoản 1 Điều này.

3. Công trình ngầm hóa phải được thiết kế, xây dựng phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành; bảo đảm khả năng sử dụng chung tối thiểu cho hai doanh nghiệp viễn thông trở lên, có khả năng kết nối, dự phòng dung lượng, bảo đảm an toàn công trình, an toàn kỹ thuật, phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường.

4. Căn cứ Quy hoạch các ngành liên quan và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, hàng năm Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng kế hoạch, phương án ngầm hóa mạng cáp viễn thông. Việc ngầm hóa mạng cáp viễn thông phải được thực hiện đồng bộ với đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng các công trình hạ tầng kỹ thuật khác như giao thông, điện lực, cấp thoát nước, năng lượng, chiếu sáng công cộng và công trình ngầm đô thị, nhằm hạn chế tối đa việc đào xới, chằng lún không gian kỹ thuật.

5. Khi đầu tư, nâng cấp tuyến đường, khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp hoặc các khu vực được quy hoạch chỉnh trang, chủ đầu tư công trình có trách nhiệm bố trí, dành không gian kỹ thuật để xây dựng hệ thống cống, bể, hào, tuynen kỹ thuật phục vụ lắp đặt cáp viễn thông, bảo đảm khả năng sử dụng chung và kết nối liên thông.

6. Doanh nghiệp viễn thông khi triển khai ngầm hóa phải bảo đảm:

a) Tuân thủ thiết kế, quy hoạch và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Bảo đảm tiến độ, chất lượng công trình, không gây gián đoạn thông tin, không ảnh hưởng đến hạ tầng kỹ thuật khác và môi trường xung quanh;

c) Cập nhật, quản lý, lưu trữ hồ sơ hoàn công và dữ liệu công trình phục vụ khai thác, bảo trì và chia sẻ sử dụng chung.

7. Việc phân bổ, chia sẻ chi phí đầu tư, quản lý, vận hành, bảo trì công trình ngầm được các bên thỏa thuận trên cơ sở công bằng, minh bạch, phù hợp quy định của pháp luật; trường hợp không đạt được thỏa thuận, các bên thực hiện theo cơ chế giải quyết tranh chấp được quy định tại Điều 16 của Quy định này.

Điều 18. Chỉnh trang mạng cáp viễn thông

1. Chỉnh trang mạng cáp viễn thông phải bảo đảm đồng bộ với các công trình hạ tầng kỹ thuật khác, an toàn kỹ thuật, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường, mỹ quan đô thị, quốc phòng – an ninh.

Ưu tiên thực hiện tại khu vực trung tâm đô thị, trục đường chính, khu dân cư tập trung, khu công nghiệp, khu đô thị cũ và khu vực có kế hoạch chỉnh trang được phê duyệt.

Việc chỉnh trang phải bảo đảm sử dụng chung tối đa hạ tầng kỹ thuật hiện có, phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy hoạch phát triển hạ tầng viễn thông.

2. Việc chỉnh trang mạng cáp viễn thông bao gồm các hoạt động bố gọn, sắp xếp, thay thế, di dời, hợp nhất hoặc tháo dỡ các tuyến cáp treo, thiết bị treo trên cột nhằm bảo đảm an toàn, mỹ quan đô thị, phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy hoạch phát triển hạ tầng viễn thông.

3. Chỉnh trang mạng cáp viễn thông được thực hiện đồng bộ với kế hoạch chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật đô thị hoặc các dự án đầu tư cải tạo, mở rộng công trình giao thông, điện lực, chiếu sáng, cấp thoát nước và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

4. Các tuyến cáp viễn thông treo trên cột điện, cột chiếu sáng hoặc công trình hạ tầng kỹ thuật khác phải được sắp xếp, bố gọn, treo đúng quy định kỹ thuật, bảo đảm an toàn vận hành, không gây chòng chéo, võng, rơi hoặc cản trở giao thông, công trình hạ tầng xung quanh.

Hàng năm Ủy ban nhân dân các xã, phường lồng ghép việc chỉnh trang mạng cáp viễn thông vào kế hoạch, phương án ngầm hóa mạng cáp viễn thông; Chủ trì, phối hợp tổ chức thực hiện việc chỉnh trang mạng cáp viễn thông trên địa bàn.

5. Doanh nghiệp viễn thông có nghĩa vụ:

a) Chủ động rà soát, bảo trì, xử lý kịp thời các tuyến cáp treo gây mất an toàn, mất mỹ quan hoặc vi phạm quy định kỹ thuật;

b) Phối hợp với đơn vị quản lý hạ tầng kỹ thuật liên quan khi thực hiện chỉnh trang, di dời hoặc thay thế tuyến cáp;

c) Cập nhật, lưu trữ thông tin, dữ liệu, hồ sơ kỹ thuật của các tuyến cáp sau

chính trang để phục vụ công tác quản lý, khai thác và bảo trì.

6. Việc phân bổ và chia sẻ chi phí chính trang được các bên thỏa thuận trên cơ sở công bằng, minh bạch, phù hợp quy định pháp luật; trường hợp không đạt được thỏa thuận, các bên thực hiện theo cơ chế giải quyết tranh chấp quy định tại Điều 16 của Quy định này.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA** **CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng, quản lý, sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp viễn thông và các đơn vị có liên quan triển khai các kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, kế hoạch ngân sách, chính trang (05 năm và hằng năm); tiếp nhận hồ sơ, thẩm tra, tổng hợp, trình phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền; hoàn thành tổng hợp, trình phê duyệt trước 30/12 hằng năm.

3. Xem xét, chấp thuận việc sử dụng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi doanh nghiệp có văn bản hoặc kế hoạch đề nghị sử dụng chung; hướng dẫn doanh nghiệp trong trường hợp cần nâng cấp, điều chỉnh hoặc không đủ điều kiện dùng chung.

4. Chủ trì hiệp thương, hòa giải, giải quyết tranh chấp về giá thuê, điều kiện kỹ thuật, tiến độ sử dụng chung; vượt thẩm quyền thì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, hoặc đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xem xét theo quy định.

5. Phối hợp với các đơn vị liên quan trong công tác bảo vệ, khắc phục, xử lý sự cố hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; đôn đốc doanh nghiệp khẩn trương khôi phục thông tin liên lạc, bảo đảm duy trì hoạt động thông suốt của mạng lưới; hướng dẫn phương án khắc phục, phục hồi trong trường hợp xảy ra thiên tai, thảm họa hoặc sự cố bất khả kháng.

6. Là cơ quan đầu mối, chủ trì điều phối và phối hợp liên ngành trong công tác quản lý, phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; trao đổi, thống nhất với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và doanh nghiệp viễn thông để tháo gỡ khó khăn, xử lý vướng mắc; trường hợp vượt thẩm quyền, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

7. Chủ trì xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu và bản đồ hạ tầng (hiện trạng, quy hoạch và thông tin liên quan); công khai thông tin cần thiết; thiết lập đầu mối tiếp nhận, phản hồi hồ sơ, kiến nghị của tổ chức, cá nhân.

8. Thực hiện kiểm tra chuyên ngành, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông; kịp thời chấn chỉnh, khắc phục vi phạm.

9. Chỉ đạo, hướng dẫn doanh nghiệp viễn thông tăng cường sử dụng chung

hạ tầng; tạo điều kiện để lực lượng vũ trang sử dụng hạ tầng viễn thông phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định.

10. Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) về tình hình phát triển, sử dụng chung, ngầm hóa, chỉnh trang, giải quyết tranh chấp và xử lý sự cố hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc đưa các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động vào hoạt động theo đúng quy hoạch, kế hoạch và quy định pháp luật về xây dựng; tích hợp quy hoạch hạ tầng viễn thông vào quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật chung.

2. Hướng dẫn, quản lý việc sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu dân cư nông thôn, bảo đảm đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

3. Điều phối ngầm hóa, chỉnh trang hạ tầng; hướng dẫn tích hợp ống, tuynen kỹ thuật trong các dự án giao thông, đô thị.

4. Cấp phép xây dựng công trình viễn thông thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Kiểm tra, phát hiện và phối hợp xử lý vi phạm các quy định về xây dựng đối với công trình viễn thông.

Điều 21. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Bảo đảm đồng bộ việc phát triển lưới điện với hạ tầng viễn thông thụ động và các hạ tầng kỹ thuật khác.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Công ty Điện lực Bắc Ninh và các đơn vị có liên quan trong việc lập, triển khai kế hoạch ngầm hóa, chỉnh trang hạ tầng điện lực kết hợp viễn thông; xử lý các vướng mắc về sử dụng chung hạ tầng điện lực - viễn thông.

3. Hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng chung cột điện, hành lang tuyến điện để treo cáp viễn thông theo đúng quy chuẩn kỹ thuật, bảo đảm an toàn điện và an toàn công trình.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn việc sử dụng chung hệ thống cột điện trong phạm vi quản lý để treo đường dây, cáp điện lực và viễn thông tại khu vực chưa thể ngầm hóa và không còn khả năng bố trí thêm cột tại cùng vị trí, bảo đảm tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn điện.

5. Yêu cầu chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp bố trí hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; công khai điều kiện kỹ thuật để doanh nghiệp viễn thông tiếp cận, khai thác.

Điều 22. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan lập, điều chỉnh Quy hoạch,

kế hoạch sử dụng đất đảm bảo các chỉ tiêu sử dụng đất theo chu kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho các công trình hạ tầng viễn thông thụ động trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Hướng dẫn, kiểm tra chủ đầu tư xây dựng công trình hạ tầng viễn thông thụ động trong khu vực liên quan đến đề điều và hành lang thoát lũ; các thủ tục pháp lý về đất đai, môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước, lâm nghiệp, thủy lợi... thuộc lĩnh vực Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 23. Trách nhiệm của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

1. Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp viễn thông tham gia đầu tư, phát triển hạ tầng viễn thông và cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn quản lý.

2. Hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phù hợp với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật trong địa bàn quản lý.

3. Yêu cầu chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp bố trí hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trong quy hoạch, thiết kế, bảo đảm khả năng dùng chung cho doanh nghiệp viễn thông.

4. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trong khu công nghiệp; tham gia hiệp thương, trao đổi, thống nhất với các doanh nghiệp khi phát sinh tranh chấp, vướng mắc trong việc sử dụng chung hạ tầng; phối hợp xử lý, ổn định tình hình, bảo đảm an toàn công trình và hoạt động sản xuất trong khu công nghiệp.

Điều 24. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan để bảo đảm an ninh, an toàn hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn; tổ chức lực lượng bảo vệ khi có tình huống cản trở, gây khó khăn trong quá trình thi công, lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thực hiện thẩm duyệt, kiểm tra, nghiệm thu điều kiện PCCC đối với công trình trạm BTS, nhà trạm, cột ăng ten và công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

3. Chủ trì phối hợp điều phối sử dụng hạ tầng viễn thông phục vụ quốc phòng, an ninh, thông tin liên lạc khẩn cấp, phòng chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn. Thực hiện quyền yêu cầu doanh nghiệp viễn thông ưu tiên, chia sẻ hạ tầng để phục vụ công tác bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

Điều 25. Trách nhiệm của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

1. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh và các cơ quan liên quan bảo đảm hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

2. Chủ trì, phối hợp điều phối sử dụng hạ tầng trong các tình huống khẩn

cấp, phục vụ quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn.

Điều 26. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn. Theo tình hình thực tiễn tại địa phương, xây dựng đề án, phương án thực hiện Kế hoạch chính trang, ngầm hóa mạng cáp viễn thông, giải quyết dùng chung hạ tầng trên địa bàn quản lý.

2. Thông tin về quy hoạch, dự án, kế hoạch đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo các công trình xây dựng, khu đô thị, tuyến đường giao thông và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn quản lý cho Sở Khoa học và Công nghệ và doanh nghiệp viễn thông biết, để chủ động phối hợp quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông.

3. Chủ trì, phối hợp trong công tác cấp phép xây dựng, quản lý trật tự xây dựng đối với công trình viễn thông theo phân cấp; Tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong khảo sát, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

4. Tuyên truyền, vận động nhân dân phối hợp trong quá trình xây dựng, chỉnh trang, ngầm hóa hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; tạo sự đồng thuận, ủng hộ của cộng đồng để bảo đảm tiến độ và hiệu quả triển khai.

5. Kiểm tra, phát hiện, lập biên bản ban đầu và xử lý các vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền; kịp thời báo cáo, chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp trên để xử lý đối với các trường hợp vượt thẩm quyền.

Điều 27. Trách nhiệm của Công ty Điện lực Bắc Ninh

1. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung cột điện, hành lang tuyến điện để treo cáp viễn thông; phối hợp bó gọn, chỉnh trang dây cáp điện - viễn thông theo kế hoạch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Khi thực hiện dự án cải tạo, ngầm hóa lưới điện, có trách nhiệm tích hợp đồng bộ hạ tầng kỹ thuật viễn thông; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng và doanh nghiệp viễn thông trong quá trình triển khai.

3. Công khai thông tin về khả năng dùng chung hệ thống cột điện, hành lang tuyến và chi phí sử dụng theo hướng dẫn của Sở Công Thương và Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 28. Trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông

1. Doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm đầu tư, quản lý, vận hành, bảo trì hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo đúng quy định của pháp luật, quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt; bảo đảm an toàn công trình, mỹ quan, môi trường và an ninh thông tin.

2. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo quy định tại Điều 12 của Quy định này; phản hồi đề nghị sử dụng chung bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc (hoặc 15 ngày nếu cần khảo sát kỹ thuật) và nêu rõ lý do cụ thể khi từ chối. Trường hợp bất khả kháng, thời hạn được gia hạn tương ứng nhưng không quá 15 ngày làm việc.

3. Đăng ký, cập nhật và cung cấp dữ liệu hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (sơ đồ, bản đồ, dung lượng, hiện trạng, khả năng dùng chung) vào cơ sở dữ liệu do Sở Khoa học và Công nghệ quản lý; cung cấp thông tin, hồ sơ, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

4. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị quản lý hạ tầng khác trong việc triển khai kế hoạch phát triển, ngầm hóa, chỉnh trang, di dời tuyến cáp, trạm, cột ăng ten, xử lý sự cố, bảo vệ công trình và duy trì thông tin liên lạc.

5. Khi xảy ra sự cố, doanh nghiệp viễn thông thực hiện khắc phục theo thời hạn và trình tự tại Điều 10; trường hợp bất khả kháng phải báo cáo ngay Sở Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân cấp xã để phối hợp xử lý.

6. Tham gia chỉnh trang, bố gọn, di dời, ngầm hóa tuyến cáp, cột, trạm theo kế hoạch được phê duyệt; bố trí kinh phí, nhân lực, phương tiện để thực hiện; ưu tiên, chia sẻ hạ tầng khi phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai, ứng cứu khẩn cấp.

7. Thực hiện công khai, niêm yết giá thuê hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động và nghĩa vụ tài chính theo quy định tại Thông tư số 07/2024/TT-BTTTT; bảo đảm công khai, minh bạch, bình đẳng khi cho thuê hoặc sử dụng chung.

8. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh khi vi phạm các quy định trong đầu tư, quản lý, vận hành, chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

Điều 29. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khác

1. Các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng, quản lý, sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phải tuân thủ quy định pháp luật và Quy định này.

2. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật (như điện lực, cấp thoát nước, giao thông...) có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp viễn thông trong khảo sát, xây dựng, sử dụng chung hoặc ngầm hóa hạ tầng, bảo đảm đồng bộ và tiết kiệm tài nguyên.

Điều 30. Cập nhật dữ liệu và chế độ báo cáo

1. Định kỳ hàng năm (trước ngày 15/12), 06 tháng/lần và đột xuất theo yêu cầu phải báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ, các doanh nghiệp viễn thông, địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua cơ quan đầu mối là Sở Khoa học và Công nghệ) về: hiện trạng hạ tầng, khả năng sử dụng chung, giá thuê, tình hình ngầm hóa, chỉnh trang và các khó khăn, vướng mắc.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường, doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm cung cấp, cập nhật dữ liệu số, bản đồ hạ tầng viễn thông thụ động theo yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ, bảo đảm phục vụ công tác quản lý, điều phối và thúc đẩy dùng chung hạ tầng.

3. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối tiếp nhận, quản lý, khai thác, tổng hợp báo cáo từ các doanh nghiệp, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân

tính theo quy định.

4. Báo cáo và dữ liệu hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động được lập dưới dạng dữ liệu số, bản đồ điện tử theo cấu trúc thống nhất. Việc cung cấp, khai thác, cập nhật và chia sẻ dữ liệu thực hiện qua hệ thống điện tử hoặc đầu mối kỹ thuật do Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, bảo đảm an toàn thông tin và tính thống nhất.

5. Việc cập nhật, chia sẻ dữ liệu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động được thực hiện bằng định dạng dữ liệu số và bản đồ địa lý (GIS) theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ. Các doanh nghiệp viễn thông, chủ sở hữu hạ tầng có trách nhiệm cập nhật tối thiểu mỗi quý và đột xuất khi có thay đổi về hiện trạng, dung lượng, khả năng dùng chung. Cơ sở dữ liệu do Sở Khoa học và Công nghệ quản lý, khai thác; cho phép các cơ quan nhà nước được quyền truy cập khai thác nội bộ phục vụ quản lý nhà nước, còn doanh nghiệp và tổ chức khác được truy cập các thông tin công khai theo phạm vi do sở hướng dẫn.

Điều 31. Quy định chuyển tiếp

1. Các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đã được đầu tư, xây dựng trước ngày Quy định này có hiệu lực được tiếp tục quản lý và sử dụng; khi thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng phải tuân thủ theo các quy định tại văn bản này và quy định pháp luật có liên quan.

2. Trong giai đoạn chưa tích hợp nội dung phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động vào Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch, kế hoạch liên quan, việc chấp thuận xây dựng mới trạm BTS, ngầm hóa, chỉnh trang mạng cáp viễn thông ngoại vi được xem xét trên cơ sở:

a) Quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch giao thông, quy hoạch điện lực, các quy hoạch ngành có liên quan và kế hoạch phát triển hằng năm đã được phê duyệt;

b) Nhu cầu thực tế phát triển hạ tầng viễn thông, bảo đảm an toàn công trình, an toàn thông tin, mỹ quan đô thị, quốc phòng – an ninh.

3. Sau khi Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan được ban hành, điều chỉnh, bổ sung theo quy định của pháp luật về quy hoạch, toàn bộ hoạt động đầu tư, xây dựng, ngầm hóa, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phải phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch này trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày các quy hoạch được phê duyệt hoặc điều chỉnh.

Điều 32. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.